

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2026

“Ly hôn, tranh chấp và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Đạt và ông Phạm Hồng Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phan Thị H, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 042193006xxx; Địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- *Bị đơn:* Đặng Hữu Đ, sinh năm 1990; Căn cước công dân số 042090021xxx; Địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Đặng Hữu Đ kết hôn với nhau vào ngày 02/01/2013 tại UBND xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Bước đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn. Từ cuối năm 2023 đến nay tH hay xảy ra mâu thuẫn và ngày càng gay gắt, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể hàn gắn. Nguyên nhân chính là do tính cách, lối sống của vợ chồng không hòa hợp, giữa hai người không còn tình cảm

với nhau nên đã sống ly thân hơn ba năm nay, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Phan Bảo A, sinh ngày: 31/10/2015 và Đặng Minh A, sinh ngày 01/8/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay con ở với anh Đ và do anh nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng giao cả 2 con cho anh Đ trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành và việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Đặng Hữu Đ:* Sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh Đặng Hữu Đ và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ tH trú của anh Đ ở thôn C, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, anh Đặng Hữu Đ mặc dù có mặt tại địa PH nhưng không hợp tác và không có mặt theo thông báo của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2026 và 25/03/2026, bà Tô Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đặng Hữu Đ, anh Đ hiện Đ sống tại nhà bà H ở Thôn C, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, sáng đi làm tối mới về nhà. Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Hữu Đ và chị Phan Thị H tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2013 tại UBND xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Phan Bảo A, sinh ngày: 31/10/2015 và Đặng Minh A, sinh ngày 01/8/2017. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo lại cho anh Đ biết và anh Đ đã biết việc chị Phan Thị H Đ làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Anh Đ có nêu quan điểm các yêu cầu của chị H thống nhất về tình cảm đồng ý ly hôn chị H, về con chung anh Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cháu Đặng Phan Bảo A, sinh ngày: 31/10/2015 và Đặng Minh A, sinh ngày 01/8/2017; về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị H ly hôn anh Đặng Hữu Đ.

Về con chung: Giao các con chung là cháu Đặng Phan Bảo A, sinh ngày: 31/10/2015 và Đặng Minh A, sinh ngày 01/8/2017 cho anh Đặng Hữu Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Chị Phan Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị H có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đặng Hữu Đ. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Đặng Hữu Đ có nơi đăng ký tH trú tại thôn C, xã C, tỉnh Hà Tĩnh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Phan Thị H có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị H có mặt, bị đơn anh Đặng Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H kết hôn với anh Đặng Hữu Đ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 02/01/2013 tại UBND xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh), được thể hiện tại bản trích lục kết hôn số 30 ngày 02/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà

Tỉnh) do chị H giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của chị Phan Thị H và anh Đặng Hữu Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau hai người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau được gần 10 năm và đã sống ly thân hơn ba năm; trong suốt thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, chị H luôn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh Đ mặc dù biết việc chị H yêu cầu ly hôn nhưng không hợp tác, không đến tham gia các buổi hòa giải, công khai chứng cứ của Tòa án, thể hiện anh Đ cũng bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Qua các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H, anh Đ có hai con chung là cháu Đặng Phan Bảo A, sinh ngày: 31/10/2015 và Đặng Minh A, sinh ngày 01/8/2017. Hiện nay các cháu đều Đ ở cùng với anh Đ, chị H yêu cầu sau khi ly hôn giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu An và Anh. Đồng thời nguyện vọng của các con chung là sau khi bố mẹ ly hôn thì muốn được sống cùng bố là anh Đ, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, được chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, bình thường nên yêu cầu được nuôi con của anh Đ là hoàn toàn chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với điều kiện của các bên và nguyện vọng của các con. Chị H cũng có nguyện vọng giao con cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng các con và việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

Chị Phan Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phan Thị H phải chịu án phí sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 207, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H được ly hôn anh Đặng Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Đặng Phan Bảo A, sinh ngày: 31/10/2015 và Đặng Minh A, sinh ngày 01/8/2017 cho anh Đặng Hữu Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Phan Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000085 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đặng Thị Hương

